

Số: 957/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 27 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 111/2008/QĐ-BNN ngày 18/11/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 27/2010/QĐ-UBND ngày 23/11/2010 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý viên chức, lao động hợp đồng trong đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức Hội thuộc UBND tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của UBND tỉnh về việc kiện toàn Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam;

Xét đề nghị của Giám đốc Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh tại Tờ trình số 11/TTr-QBV&PTR-BĐH ngày 05/3/2019 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 589/TTr-SNV ngày 19/3/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam .

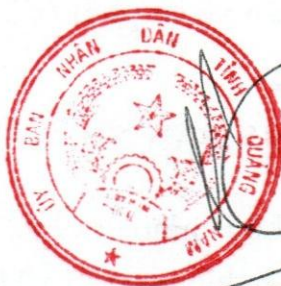
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 1173/QĐ-UBND ngày 12/4/2012 của UBND tỉnh phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam, Quyết định số 3576/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam; bãi bỏ các quy định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh; Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam;
- Sở, Ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP; PCVP (a.Nam, a.Trân);
- Lưu: VT, KTTH, KTN, NC.

CHỦ TỊCH



Đình Văn Thu

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam
(Ban hành kèm theo Quyết định số 957/QĐ-UBND ngày 27/3/2019
của UBND tỉnh Quảng Nam)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ này quy định về nhiệm vụ, tổ chức, hoạt động và nguồn tài chính của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 156/2018/NĐ-CP) và các quy định khác của pháp luật.

Điều 2. Địa vị pháp lý của Quỹ

1. Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam (sau đây gọi tắt là Quỹ) là đơn vị trực thuộc UBND tỉnh Quảng Nam; tổ chức, hoạt động theo loại hình đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Trụ sở của Quỹ đặt tại: Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

3. Tên gọi của Quỹ: Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam.

4. Tên giao dịch quốc tế: Quảng Nam Forest Protection and Development Fund.

Viết tắt là: Quang Nam FPDF.

5. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Ngân hàng và Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

**Chương II
NHIỆM VỤ CỦA QUỸ**

Điều 3. Nhiệm vụ của Quỹ

Nhiệm vụ của Quỹ thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 76 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP; cụ thể:

1. Rà soát, ký kết hợp đồng, tiếp nhận và quản lý nguồn tiền ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng.

2. Vận động, tiếp nhận và quản lý các nguồn tài chính ủy thác khác; nguồn viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện, của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước; nguồn tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước.

3. Tiếp nhận, quản lý tiền trồng rừng thay thế.

4. Đại diện cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng ký hợp đồng với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng phải trả tiền ủy thác về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh.

5. Làm đầu mối giúp cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, giám sát việc quản lý sử dụng kinh phí quản lý, việc thanh toán tiền cho các hộ nhận khoán bảo vệ rừng của các chủ rừng có khoán bảo vệ rừng.

6. Tổ chức thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án do Quỹ hỗ trợ.

7. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đối tượng được hưởng nguồn tài chính do Quỹ hỗ trợ.

8. Thực hiện các quy định của pháp luật về tài chính, thống kê, kế toán và kiểm toán; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng Quỹ cho cấp có thẩm quyền.

9. Kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy định về đối tượng, hoạt động được hỗ trợ từ Quỹ.

10. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam về tình hình thu chi tiền dịch vụ môi trường rừng của địa phương hằng năm theo Mẫu số 16 Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

11. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật có liên quan.

Chương III

NGUỒN TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI CHÍNH CỦA QUỸ

Điều 4. Nguồn tài chính của Quỹ

Nguồn tài chính của Quỹ thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 79 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP; cụ thể:

1. Tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng; tiền ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng.

2. Tiền trồng rừng thay thế do chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

3. Tiền viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.

4. Nguồn hỗ trợ từ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam.
5. Lãi tiền gửi các tổ chức tín dụng.
6. Các nguồn tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước.

Điều 5. Nội dung chi của Quỹ

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 80 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP; cụ thể:

1. Chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng; chi thực hiện các nhiệm vụ ủy thác theo hợp đồng ủy thác khác từ nguồn kinh phí được quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 79 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.
2. Chi tiền trồng rừng thay thế do chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định từ nguồn kinh phí được quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 79 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.
3. Chi hỗ trợ cho các chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án từ nguồn kinh phí được quy định tại các Điểm c, d và e, Khoản 2, Điều 79 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, bao gồm: hỗ trợ kinh phí để chống chặt phá rừng, kinh doanh, vận chuyển lâm sản trái phép; tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện chính sách pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; thử nghiệm và phổ biến nhân rộng mô hình bảo vệ và phát triển rừng, quản lý rừng bền vững; thử nghiệm, ứng dụng giống cây lâm nghiệp mới; hỗ trợ trồng cây phân tán; phát triển lâm sản ngoài gỗ trên đất lâm nghiệp; đào tạo nguồn nhân lực cho việc bảo vệ và phát triển rừng ở cơ sở và hỗ trợ các hoạt động khác liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng.
4. Chi hoạt động của bộ máy Quỹ từ nguồn kinh phí quản lý dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP; từ nguồn kinh phí quản lý theo hợp đồng ủy thác; lãi tiền gửi; nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Nội dung chi, mức chi hoạt động bộ máy Quỹ thực hiện theo quy định hiện hành. Trường hợp pháp luật chưa có quy định nội dung chi, mức chi, căn cứ khả năng tài chính, Quỹ xây dựng nội dung chi, mức chi trong quy chế chi tiêu nội bộ; quyết định việc chi tiêu và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 6. Lập kế hoạch tài chính, báo cáo tài chính, quyết toán

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 81 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP; cụ thể:

1. Hằng năm, Quỹ lập kế hoạch tài chính gồm: kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng và các nguồn tài chính khác; dự toán chi hoạt động của Quỹ thông qua Hội đồng quản lý Quỹ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Hằng năm, Quỹ lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo quy định của pháp luật về tài chính kế toán hiện hành. Sở Tài chính xét duyệt báo cáo quyết toán đối với Quỹ.

3. Việc giao quyền tự chủ tài chính cho Quỹ thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác và văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 7. Chế độ kế toán, kiểm toán, quản lý tài sản và công khai tài chính

Thực hiện theo quy định tại Điều 82 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP; Quỹ thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, quản lý tài sản và công khai tài chính như sau:

1. Thực hiện công tác kế toán theo chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp để thực hiện công tác kế toán.

2. Thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn.

3. Khuyến khích thực hiện kiểm toán độc lập báo cáo tài chính.

4. Thực hiện công khai tài chính theo quy định pháp luật về tài chính hiện hành; khuyến khích thực hiện đánh giá độc lập kết quả thực hiện chính sách dịch vụ môi trường rừng.

Chương IV

QUẢN LÝ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG PHI DỰ ÁN ĐƯỢC QUỸ HỖ TRỢ

Điều 8. Phương thức và nội dung hỗ trợ tài chính

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Điểm b, Khoản 2, Điều 83 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP; cụ thể:

1. Hỗ trợ không hoàn lại toàn phần hoặc một phần vốn cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư việc thực hiện các chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án theo các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 83 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

2. Các nội dung được hỗ trợ: Các hoạt động quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 80 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

Điều 9. Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 84 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP; cụ thể:

1. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có nhu cầu hỗ trợ gửi văn bản đề nghị hỗ trợ, kèm theo văn kiện

chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ban Điều hành Quỹ.

2. Trước ngày 25 tháng 02 hằng năm, Ban Điều hành Quỹ chủ trì, phối hợp với các Cơ quan chức năng tổ chức thẩm định, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ thông qua, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Giám đốc Quỹ thông báo qua dịch vụ bưu chính cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được hỗ trợ biết để triển khai thực hiện.

Điều 10. Triển khai thực hiện các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án

Thực hiện theo quy định tại Điều 85 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP; cụ thể:

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thực hiện các chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án theo quyết định được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc thành lập ban quản lý để tổ chức triển khai thực hiện theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 11. Kiểm tra, đánh giá thực hiện các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án

1. Ban Điều hành Quỹ chỉ đạo thực hiện, kiểm tra tình hình thực hiện các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án được Quỹ hỗ trợ theo định kỳ hoặc đột xuất.

2. Trường hợp cần thiết, Ban Điều hành Quỹ được thuê tư vấn để kiểm tra và đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án do Quỹ hỗ trợ.

Chương V

BỘ MÁY QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CỦA QUỸ

Điều 12. Tổ chức của Quỹ

Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ gồm có: Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát, Ban điều hành và các phòng chuyên môn.

Điều 13. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập, gồm 07 (bảy) thành viên:

a) Chủ tịch Hội đồng là Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Phó Chủ tịch là Giám đốc Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh.

c) Các ủy viên Hội đồng: Đại diện Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường và Chi cục Kiểm lâm tỉnh.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng của Quỹ không được bố trí vợ, chồng, mẹ, con, anh, chị em ruột của mình giữ chức vụ lãnh đạo về tổ chức nhân sự, kế toán - tài vụ, thủ quỹ của Quỹ.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

4. Các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Tổ chức tiếp nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn ngân sách và các nguồn lực do Nhà nước giao cho Quỹ để thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước giao hoặc đặt hàng.

2. Được sử dụng con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Ban hành các Quy chế hoạt động và một số quy định có liên quan phục vụ hoạt động của Quỹ.

4. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các thành viên của Ban Kiểm soát.

5. Trình UBND tỉnh quyết định phân cấp, điều chỉnh phân cấp giữa Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ trong việc quyết định hỗ trợ đầu tư.

6. Thông qua Kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ.

7. Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật.

8. Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm khác theo ủy quyền của UBND tỉnh nhưng không được trái với quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ, cùng Giám đốc Quỹ ký nhận các nguồn vốn và nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ.

2. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 14 Điều lệ này.

3. Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; có quyền huỷ bỏ các quyết định của Giám đốc Quỹ trái với Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật.

4. Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ.

5. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc cho thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật về các công việc được ủy quyền.

6. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ tối thiểu 06 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ.

Khi cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, hoặc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ hoặc Trưởng Ban Kiểm soát, sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng tham dự. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ vắng mặt phải thông báo lý do vắng bằng văn bản.

Cuộc họp do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc một thành viên khác được Chủ tịch ủy quyền trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt làm chủ tọa.

Trong trường hợp cấp bách, việc xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có thể được thực hiện bằng văn bản.

3. Tài liệu họp phải được chuẩn bị và gửi tới các thành viên Hội đồng quản lý tối thiểu từ 02 ngày trước ngày họp. Nội dung cuộc họp phải được ghi chép đầy đủ vào biên bản họp.

4. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có một phiếu biểu quyết ngang nhau.

Các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có hiệu lực khi có trên 50% số thành viên trong Hội đồng có mặt biểu quyết tán thành.

Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì ý kiến theo phiếu của người chủ tọa cuộc họp là quyết định cuối cùng. Thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo lên Chủ tịch UBND tỉnh.

5. Nội dung và kết luận của các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi rõ trong biên bản cuộc họp được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền chủ tọa cuộc họp ký.

Trong một số trường hợp đặc biệt có thể được tất cả các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ ký. Kết luận của cuộc họp được thể hiện bằng Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và phải được gửi tới tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

6. Chủ tịch Hội đồng quản lý thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hậu quả phát sinh từ các Nghị quyết, Quyết định đó.

Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có thể ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản lý ký thay.

7. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định đó.

Giám đốc có quyền đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét lại hoặc bảo lưu ý kiến và báo cáo lên Chủ tịch UBND tỉnh, nhưng trong thời gian chưa có quyết định khác của Hội đồng quản lý Quỹ hay Chủ tịch UBND tỉnh thì vẫn phải chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 17. Tổ chức, hoạt động của Ban Kiểm soát Quỹ

1. Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên:

a) Trưởng Ban Kiểm soát là đại diện lãnh đạo phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở Tài chính được giao theo dõi, quản lý Quỹ.

b) Các ủy viên Ban Kiểm soát:

- Một ủy viên là đại diện lãnh đạo phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được phân công theo dõi, tham mưu công tác tài chính, kế toán ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Một ủy viên là đại diện lãnh đạo phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Chi cục Kiểm lâm được phân công theo dõi, tham mưu công tác diễn biến rừng và chi trả dịch vụ môi trường rừng; .

2. Ban Kiểm soát giúp Hội đồng quản lý giám sát hoạt động của Ban điều hành Quỹ.

3. Ban Kiểm soát do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm.

4. Ban Kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát Quỹ hoạt động theo Quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt. Ban Kiểm soát còn có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng quản lý Quỹ về những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của bộ máy điều hành Quỹ.

2. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

3. Trưởng Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật về những tiêu cực, bỏ qua các hành vi vi phạm đã phát hiện, về các thiệt hại của Quỹ nếu tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa có sự chấp thuận của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Trường hợp đột xuất, vì lợi ích của Quỹ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát có quyền báo cáo trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ để xin ý kiến chỉ đạo.

Điều 19. Ban điều hành và các phòng chuyên môn

1. Ban điều hành và các phòng chuyên môn, gồm có: Giám đốc, không quá 02 Phó Giám đốc và các phòng chuyên môn.

2. Giám đốc Quỹ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các phòng chuyên môn sau khi được Hội đồng quản lý Quỹ thống nhất.

3. Các phòng chuyên môn có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ giao. Lãnh đạo, viên chức và người lao động các phòng chuyên môn chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

4. Lãnh đạo các phòng chuyên môn do Giám đốc Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng và kỷ luật theo quy định của pháp luật hiện hành và phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ của tỉnh.

5. Việc tuyển dụng, quản lý sử dụng, thực hiện chế độ chính sách đối với công chức, viên chức, người lao động của Quỹ thực hiện theo Điều lệ Quỹ, Quy chế hoạt động của Quỹ, phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ của tỉnh và theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Nhiệm vụ và quyền hạn Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, là người đại diện trước pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ, Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ. Giám đốc Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

2. Giám đốc Quỹ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Đại diện của Quỹ trước pháp luật trong các hoạt động tố tụng, tranh chấp, giải quyết những vấn đề thuộc phạm vi điều hành tác nghiệp của Quỹ.

b) Xây dựng phương hướng hoạt động, kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm; xây dựng kế hoạch huy động vốn, kế hoạch tài chính trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua.

c) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các Chương trình, Kế hoạch đã được duyệt và các hoạt động khác của Quỹ phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan.

d) Căn cứ quy chế hoạt động nghiệp vụ của Hội đồng quản lý Quỹ, ban hành quy trình nghiệp vụ hoạt động của Quỹ.

đ) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về các hoạt động của Quỹ với Hội đồng quản lý Quỹ và UBND tỉnh.

e) Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ.

f) Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác của Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Hội đồng quản lý Quỹ ủy nhiệm nhưng không được trái với quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP và quy định của pháp luật.

g) Trực tiếp quản lý, điều hành tổ chức bộ máy, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật theo phân cấp và quy định của pháp luật hiện hành.

h) Quản lý tài sản, tài chính và tổ chức triển khai thực hiện chính sách liên quan đến công chức, viên chức và người lao động theo quy định của pháp luật và phân cấp của UBND tỉnh.

Điều 21. Phó Giám đốc Quỹ

1. Giúp Giám đốc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ theo phân công, ủy quyền của Giám đốc. Trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực nghiệp vụ được phân công. Phó Giám đốc chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về phần việc được Giám đốc phân công phụ trách.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ của tỉnh.

Điều 22. Kế toán trưởng

1. Kế toán trưởng giúp việc cho Giám đốc Quỹ, có trách nhiệm quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán và các văn bản quy định có liên quan.

2. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về phần việc được Giám đốc phân công phụ trách.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Kế toán trưởng Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ của tỉnh.

Điều 23. Kinh phí hoạt động, chế độ lương, phụ cấp của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát, Ban điều hành và các phòng chuyên môn

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát, Ban điều hành và các phòng chuyên môn được tính vào chi phí quản lý của Quỹ.

2. Các thành viên chuyên trách được hưởng chế độ tiền lương, tiền thu nhập tăng thêm, tiền thưởng, tiền phụ cấp theo quy định hiện hành đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Các thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm được hưởng các khoản phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định hiện hành của nhà nước.

Chương VI

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

Điều 24. Chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán

1. Chế độ tài chính của Quỹ thực hiện theo quy định do Bộ Tài chính ban hành và các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

3. Chế độ kiểm toán thực hiện theo quy định của pháp luật kiểm toán.

Chương VII

XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 25. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 26. Tổ chức lại, giải thể

Việc tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị UBND tỉnh quyết định; các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới Ban điều hành và các phòng chuyên môn

Việc tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới Ban điều hành và các phòng chuyên môn do Giám đốc Quỹ quyết định sau khi được Hội đồng quản lý Quỹ thống nhất; các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Điều khoản thi hành

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ, Giám đốc Quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức thi hành Điều lệ này.
2. Giao Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm căn cứ Điều lệ, ý kiến của Hội đồng quản lý Quỹ (nếu có) trình Chủ tịch UBND tỉnh kiện toàn Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát theo đúng Điều lệ và quy định.
3. Các nội dung khác chưa được quy định trong Điều lệ này thì thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.
4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, hoặc chưa phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật, Quỹ có trách nhiệm tổng hợp đề nghị UBND tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ cho phù hợp. /.



CHỦ TỊCH

Đình Văn Thu